

VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2016

STT	Số BD	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành dự tuyển	Điểm đã quy đổi				Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
				Nam	Nữ			Điểm kết quả học tập	Điểm tốt nghiệp (hoặc BVLV)	Điểm theo chỉ	Điểm phỏng vấn		
I. Phòng Kế hoạch - Tài chính													
a) Vị trí tuyển dụng: Kế toán viên làm nhiệm vụ kế toán tài sản (01 chỉ tiêu)													
1	TB1N1 01	Nguyễn Thị Thu	Hà		06/10/1988	Đại học	Kế toán	71,2	80,0		174,0	325,2	Trúng tuyển
2	TB1N1 02	Vì Thanh	Hiền		12/10/1992	Đại học	Kế toán	74,2	90,0		133,0	297,2	
b) Vị trí tuyển dụng: Chuyên viên làm nhiệm vụ xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi sang cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập; triển khai, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, kết quả nghiên cứu của Viện cho các doanh nghiệp và nhu cầu xã hội... (01 chỉ tiêu)													
1	TB1N1 08	Phạm Ngọc	Vinh	31/07/1987		Đại học	Quản trị doanh nghiệp			158,0	172,0	330,0	Trúng tuyển
II. Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế													
Vị trí tuyển dụng: Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ quản lý khoa học, quản lý đào tạo sau đại học (01 chỉ tiêu)													
1	TB1N1 06	Nguyễn Thị Thủy	Nga		07/11/1989	Đại học	Quản trị kinh doanh quốc tế	76,5	88,0		164,0	328,5	Trúng tuyển
2	TB1N1 07	Đình Văn	Thắng	18/05/1988		Đại học	Quản trị kinh doanh quốc tế	67,0	77,5		133,0	277,5	
III. Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu													
Vị trí tuyển dụng: Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản về tài nguyên khí hậu, dao động và xu thế biến đổi khí hậu; cực đoan và rủi ro khí hậu (01 chỉ tiêu)													
1	TB1N2 09	Lưu Nhật	Linh	20/06/1991		Đại học	Khí tượng - Khí hậu	68,5	92,0		163,0	323,5	Trúng tuyển

STT	Số BD	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành dự tuyển	Điểm đã quy đổi				Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
				Nam	Nữ			Điểm kết quả học tập	Điểm tốt nghiệp (hoặc BVLV)	Điểm theo chỉ	Điểm phỏng vấn		
IV. Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp													
a) Vị trí tuyển dụng: "Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu các công nghệ phục vụ xây dựng bản đồ chuyên đề khí tượng nông nghiệp, chuyên ngành Tin tức địa (01 chỉ tiêu)"													
1	TBIN2 10	Phạm Quang	Huy	04/11/1989		Đại học	Tin tức địa	66,4	90,0		144,0	300,4	Trúng tuyển
b) Vị trí tuyển dụng: "Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu các công nghệ phục vụ xây dựng bản đồ chuyên đề khí tượng nông nghiệp, chuyên ngành Viễn thám và GIS (01 chỉ tiêu)"													
1	TBIN2 11	Phạm Thị Thu	Hiền		28/10/1989	Thạc sĩ	Bản đồ, viễn thám và GIS	83,8	83,0		145,0	311,8	
2	TBIN2 12	Nguyễn Thị	Phương		12/11/1992	Đại học	Bản đồ, viễn thám và GIS	77,5	100,0		143,0	320,5	
3	TBIN2 13	Trần Thị	Tâm		20/04/1984	Thạc sĩ	Bản đồ, viễn thám và GIS	79,0	88,0		175,0	342,0	Trúng tuyển
V. Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu:													
a) Vị trí tuyển dụng: "Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu về thích ứng với biến đổi khí hậu (01 chỉ tiêu)"													
1	TB2N2 18	Phan Thị Diệu	Huyền		22/10/1991	Đại học	Thủy văn	79,2	99,0		160,0	338,2	Trúng tuyển
2	TB2N2 19	Nguyễn Thị Bích	Loan		22/05/1993	Đại học	Thủy văn	66,0	85,0		122,0	273,0	
3	TB2N2 20	Nguyễn Thị	Lý		08/09/1993	Đại học	Thủy văn	81,1	85,0		122,0	288,1	
4	TB2N2 21	Trần Đức	Thịnh	20/10/1985		Thạc sĩ	Thủy văn			182,0	140,0	322,0	
b) Vị trí tuyển dụng: "Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu về kinh tế biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, chuyên ngành Thủy văn (01 chỉ tiêu)"													
1	TB2N2 22	Lê Minh	Trang		22/07/1987	Đại học	Thủy văn	66,9	76,6		180,0	323,5	Trúng tuyển
c) Vị trí tuyển dụng: "Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu về kinh tế biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh (01 chỉ tiêu)"													
1	TB1N1 04	Phạm Thị	Chinh		26/04/1987	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	85,0	85,0			170,0	Không dự phỏng vấn
2	TB1N1 05	Phạm Thu	Giang		10/06/1990	Đại học	Quản trị kinh doanh			136,6	166,0	302,6	Trúng tuyển

STT	Số BD	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành dự tuyển	Điểm đã quy đổi				Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
				Nam	Nữ			Điểm kết quả học tập	Điểm tốt nghiệp (hoặc BVLV)	Điểm theo chỉ	Điểm phỏng vấn		

VI. Trung tâm Nghiên cứu Thủy văn và Tài nguyên nước

a) Vị trí tuyển dụng: Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả vận hành hồ chứa đơn và đa mục tiêu; Nghiên cứu quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông; Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước (01 chỉ tiêu)													
1	TB2N2 26	Bùi Thị	Bích		28/01/1991	Đại học	Thủy văn-Tài nguyên nước	65,9	83,0			148,9	Không dự phỏng vấn
2	TB2N2 27	Lê Thị	Hồng		08/11/1993	Đại học	Thủy văn	72,1	84,0			156,1	Không dự phỏng vấn
3	TB2N2 28	Trần Đức	Thiện	11/04/1990		Thạc sĩ	Thủy văn-Tài nguyên nước	76,4	85,0		182,0	343,4	Trúng tuyển

b) Vị trí tuyển dụng: Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chế độ thủy văn, thủy lực của hệ thống sông theo không gian và thời gian; nghiên cứu diễn biến lòng sông, cửa sông theo định kỳ hoặc do tác động đột biến của thiên tai (lũ, cạn) (01 chỉ tiêu)													
1	TB2N2 29	Nguyễn Thị Vân	Anh		20/06/1993	Đại học	Thủy văn	78,2	90,0		149,0	317,2	Trúng tuyển
2	TB2N2 30	Trịnh Như	Trang		20/09/1991	Đại học	Thủy văn	73,2	100,0		185,0	358,2	Trúng tuyển

c) Vị trí tuyển dụng: Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu quy luật, chế độ thủy văn phục vụ quy hoạch, thiết kế, vận hành các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, đô thị và xây dựng dân dụng; Nghiên cứu, đánh giá xâm nhập mặn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội...(01 chỉ tiêu)

1	TB2N2 31	Bùi Thị	Ninh		08/10/1983	Thạc sĩ	Kỹ thuật tài nguyên nước	82,3	93,0		108,0	283,3	
2	TB2N2 32	Lương Kiều	Oanh		08/10/1993	Đại học	Kỹ thuật tài nguyên nước	68,5	76,0		110,0	254,5	
3	TB2N2 33	Nguyễn Hoàng	Phuong	17/08/1989		Thạc sĩ	Địa chất thủy văn	75,3	82,0		90,0	247,3	
4	TB2N2 34	Nguyễn Thị Thanh	Thúy		30/07/1992	Đại học	Kỹ thuật tài nguyên nước	71,3	82,0		82,0	235,3	
5	TB2N2 35	Nguyễn Thị	Vân		10/10/1990	Thạc sĩ	Kỹ thuật tài nguyên nước	80,8	90,0		172,0	342,8	Trúng tuyển

d) Vị trí tuyển dụng: Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng phương pháp, công nghệ dự báo lũ, hạn hán, cảnh báo ngập lụt cho các lưu vực sông ở Việt Nam; cảnh báo lũ quét cho khu vực miền núi...(01 chỉ tiêu)													
1	TB2N2 36	Phan Văn	Thành	04/05/1985		Đại học	Thủy văn-Môi trường	61,9	80,0		185,0	326,9	Trúng tuyển

STT	Số BD	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành dự tuyển	Điểm đã quy đổi				Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
				Nam	Nữ			Điểm kết quả học tập	Điểm tốt nghiệp (hoặc BVLV)	Điểm theo chỉ	Điểm phỏng vấn		

VII. Trung tâm Nghiên cứu Môi trường

a) Vị trí tuyển dụng: Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ dự báo chất lượng nước và không khí (01 chỉ tiêu)

1	TB2N1 03	Võ Thị Dung		08/09/1989		Đại học	Khoa học môi trường	78,8	100,0		173,0	351,8	Trúng tuyển
2	TB2N1 04	Trần Thị Thu Hương		28/06/1990		Đại học	Khoa học môi trường	82,2	86,0		117,0	285,2	
3	TB2N1 05	Tạ Thúy Nga		24/10/1990		Thạc sĩ	Khoa học môi trường	78,1	74,0			152,1	Không dự phỏng vấn
4	TB2N1 06	Cao Thị Đức Phương		28/08/1993		Đại học	Khoa học môi trường	82,2	97,0		111,0	290,2	
5	TB2N1 07	Vương Thị Phượng		17/05/1990		Thạc sĩ	Khoa học môi trường			175,2	156,0	331,2	
6	TB2N1 08	Vũ Đăng Tiếp	10/02/1984			Thạc sĩ	Khoa học môi trường	71,9	90,0		72,0	233,9	
7	TB2N1 09	Trần Minh Trường	09/05/1987			Thạc sĩ	Khoa học môi trường	77,0	83,0			160,0	Không dự phỏng vấn

b) Vị trí tuyển dụng: Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ phân tích chất lượng môi trường nước, đất, không khí, lắng đọng a xít... (01 chỉ tiêu)

1	TB2N1 10	Nguyễn Trường Giang	25/11/1991			Đại học	Công nghệ môi trường	70,8	95,0		175,0	340,8	Trúng tuyển
2	TB2N1 11	Nguyễn Thị Thanh Hà		28/08/1985		Đại học	Công nghệ môi trường	69,4	99,0		109,0	277,4	
3	TB2N1 12	Phạm Thị Hoa		17/11/1993		Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	70,5	90,0		136,0	296,5	
4	TB2N1 13	Nguyễn Thị Thu Hoài		29/03/1993		Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	80,6	90,0		134,0	304,6	
5	TB2N1 14	Phùng Khánh Nguyên	07/12/1991			Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường	82,5	100,0		113,0	295,5	
6	TB2N1 15	Nguyễn Thị Trang		21/07/1992		Đại học	Công nghệ môi trường	79,7	93,0		56,0	228,7	

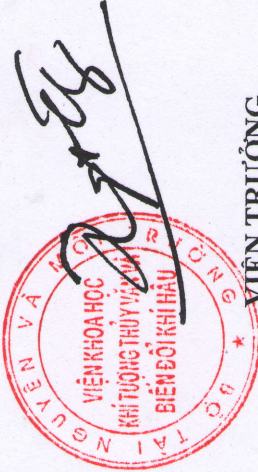
c) Vị trí Quan trắc viên trung cấp tài nguyên môi trường, thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường lòng hồ (01 chỉ tiêu)

1	TB2N2 23	Bùi Như Tiên	29/04/1990			Trung cấp	Thủy văn	65,0	81,7		174,0	320,7	Trúng tuyển
---	----------	--------------	------------	--	--	-----------	----------	------	------	--	-------	-------	-------------

STT	Số BD	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành dự tuyển	Điểm đã quy đổi				Tổng điểm	Kết quả xét tuyển
				Nam	Nữ			Điểm kết quả học tập	Điểm tốt nghiệp (hoặc BVLV)	Điểm theo chỉ chỉ	Điểm phỏng vấn		
VIII. Trung tâm Nghiên cứu Đào tạo Việt Nam - Hàn Quốc													
Vị trí tuyển dụng: Vị trí Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, quan trắc và phân tích môi trường (01 chỉ tiêu)													
1	TB2N1 01	Đình Minh	Đức		28/12/1983	Đại học	Hóa	65,0	72,5		170,0	307,5	Trúng tuyển
2	TB2N1 02	Nguyễn Hữu	Quỳnh	15/07/1990		Đại học	Kỹ thuật hóa học	70,6	90,0		117,0	277,6	
IX. Phân viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (tại TP.Hồ Chí Minh)													
a) Vị trí tuyển dụng: Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu về thủy văn và tài nguyên nước (01 chỉ tiêu)													
1	TB2N2 24	Phí Thị Thu	Phuong		04/11/1991	Đại học	Thủy văn-Tài nguyên nước	79,1	89,0		105,0	273,1	
2	TB2N2 25	Nguyễn Thái	Son	07/11/1990		Đại học	Kỹ thuật tài nguyên nước	70,4	88,0		165,0	323,4	Trúng tuyển
b) Vị trí tuyển dụng: Kế toán viên làm nhiệm vụ phụ trách công tác kế toán (01 chỉ tiêu)													
1	TB1N1 03	Nguyễn Hồng	Thoa		02/02/1975	Đại học	Tài chính kế toán	59,7	54,9		153,0	267,6	Trúng tuyển
X. Trung tâm Tư vấn, Dịch vụ KTTV&BĐKH:													
Vị trí tuyển dụng: Nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ tư vấn về quy hoạch và quản lý trong các lĩnh vực khí tượng, thủy văn, môi trường và biến đổi khí hậu (01 chỉ tiêu)													
1	TB2N1 16	Nguyễn Thị	Lan		02/07/1990	Thạc sĩ	Khoa học môi trường	80,0	85,0		172,0	337,0	Trúng tuyển
2	TB2N1 17	Nguyễn Thị	Thu		07/03/1993	Đại học	Khoa học môi trường	80,5	94,0		133,0	307,5	

NGƯỜI TỔNG HỢP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



NGUYỄN VĂN THẮNG

Ngô Thị Hằng